

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **121/2021/DS-PT**

Ngày: 18 - 9 - 2021.

V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Huồn.

2. Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 145/2021/DS-PT ngày 17/8/2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 165/2021/QĐXX-PT ngày 20/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2021/QĐ-PT ngày 13/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L; địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T1: Bà Võ Thị Bích T2, địa chỉ: 97/9 đường N, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T, bà T1: Ông Nguyễn Trung S - Luật sư thuộc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên G, địa chỉ: Buôn A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Trọng P, địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Ông Trần Ngọc L, bà Nguyễn Thị V, địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Ông Võ Thanh V, địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Võ Thanh T3, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Võ Thanh T4, địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

- Ông Võ Thanh P, địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

- Bà Võ Thị Bích T5; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Thanh V, ông Võ Thanh T3, ông Võ Thanh T4, ông Võ Thanh P, bà Võ Thị Bích T5: Bà Võ Thị Bích T2, địa chỉ: 97/9 đường N, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L trình bày:*

Vào ngày 22/11/2015, ông K, bà L có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trọng T6, bà Nguyễn Thị Mai T7 diện tích đất 12.305 m², thuộc thửa đất số 28a, tờ bản đồ số 54, đất chuyển nhượng tại thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vào ngày 17/3/2016, ông K, bà L được UBND huyện Krông Năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CA 824350 đối với diện tích đất 12.305 m² mang tên ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L.

Việc bàn giao đất ngoài thực địa được các bên thực hiện sau khi hoàn tất thủ tục sang nhượng có sự chứng kiến của ông T, bà T1, ông Nguyễn Trọng T6, bà Nguyễn Thị Mai T7. Để thuận tiện cho việc đi lại, canh tác ông K, bà L với hộ ông T đã làm giấy chứng nhận bờ lô và tiến hành xác định ranh giới giữa hai thửa đất. Ông K, bà L đã tách ra diện tích đất 1.320 m² để làm đường lô đi lại canh tác của hai bên, đồng thời có thỏa thuận không ai được trồng bất kỳ cây gì trên diện tích đất này. Diện tích đất 1.320 m² mà ông K, bà L bỏ ra để làm đường lô đi có tứ cận cụ thể như sau: Phía đông giáp đường liên thôn có chiều ngang 3 m; Phía tây giáp đất ông V, bà S có chiều ngang 2,5 m; Phía nam giáp đất của ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1 dài 480 m; Phía bắc giáp đất của ông K, bà L dài 480 m.

Ông K, bà L cùng gia đình ông T sử dụng con đường lô đi lại ổn định từ năm 2016. Đến tháng 12/2016, hộ ông T đã rào cả phần diện tích đất con đường 1.320 m² nói trên với lý do đất của hộ ông T bị thiếu. Việc hộ ông T rào con đường lô lại làm ảnh hưởng đến việc đi lại, canh tác đất của ông K, bà L.

Nay ông K, bà L khởi kiện yêu cầu: Buộc hộ ông T, bà T1 phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 1.320 m², tại thôn E, xã T, huyện K. Đất có tứ cận cụ thể: Phía đông giáp đường liên thôn có chiều ngang 3 m; Phía tây giáp đất còn lại của ông V, bà S có chiều ngang 2,5 m; Phía nam giáp đất của ông T, bà T1 dài 480 m; Phía bắc giáp đất của ông K, bà L dài 480 m. Ông K, bà L yêu cầu hộ ông T, bà T1 phải tháo dỡ toàn bộ hàng rào trên diện tích đất lấn chiếm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của của bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Năm 1995, ông T, bà T1 có nhận chuyển nhượng 01 lô đất trồng cây lâu năm tại xã Đ (nay là xã T), huyện K, tỉnh Đắk Lắk khoảng 02 ha của một người dân tộc Thái và sử dụng, canh tác ổn định từ đó đến nay. Tại thời điểm chuyển nhượng lô đất chưa được cấp GCNQSDĐ nên hai bên chỉ thỏa thuận miệng rồi giao đất, giao tiền cho nhau.

Đến năm 2000, ông T, bà T1 đã thực hiện việc đăng ký kê khai theo chủ trương của Nhà nước để được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất đã nhận chuyển nhượng. Vào ngày 25/12/2000, ông T, bà T1 đã được UBND huyện Krông Năng cấp GCNQSDĐ số P 169727 mang tên hộ ông Võ T thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 54, diện tích được cấp là 19.520 m².

Năm 2007, do gia đình cần một khoản tiền để giải quyết công việc gia đình nên gia đình đã thống nhất tách 10.244,6 m² trong số diện tích đất 19.520 m² tại thửa đất

số 57, tờ bản đồ số 54 để chuyển nhượng cho ông L, bà V. Diện tích đất còn lại của ông T, bà T1 sau khi chuyển nhượng là 9.275,4 m². Tại thời điểm chuyển nhượng cho ông L, bà V thì hộ ông T vẫn còn một phần diện tích đất có chiều rộng 03 m, chiều sâu chạy đến hết đất giáp với thửa đất của ông K, bà L. Để thuận tiện cho việc sử dụng đất giữa ông Nguyễn Trọng T6, ông Dương Minh K với ông Võ T có làm giấy xác nhận bờ lô đề ngày 22/11/2015 để xác định ranh giới giữa hai thửa đất, theo đó các bên thống nhất lấy gốc cây mít, cây dẻ kéo dọc hai hàng cà phê của hai thửa đất làm giáp ranh và mỗi bên bỏ một phần diện tích đất ra để làm lối đi chung. Hộ ông T, bà T1 đã bỏ ra toàn bộ diện tích đất để làm đường lô. Ông K, bà L hứa bỏ đất ra để làm lối đi chung nhưng không thực hiện nên ông T, bà T1 đã rào lại con đường bằng trụ hàng rào, có thép gai để bảo vệ tài sản của gia đình.

Bị đơn là đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ: Ông T, bà T1 không có hành vi lấn chiếm đất của ông K, bà L. Việc xác định ranh giới được các bên thỏa thuận bằng biên bản xác nhận bờ lô có xác nhận của ông K, diện tích đất tranh chấp ông T, bà T1 chưa chuyển nhượng cho người khác, đồng thời ông K, bà L chưa bỏ ra diện tích đất nào để làm con đường đi chung, hiện tại các điểm xác định ranh giới như là cây mít đang còn gốc, cây dẻ đang còn trên đầu lô. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án căn cứ vào các GCNQSDĐ của các đương sự được cấp, giấy thỏa thuận đường lô, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án giải quyết vụ việc tranh chấp theo quy định của pháp luật.

- *Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ ông Võ T trình bày:*

Bà Võ Thị Bích T2 là con đẻ của ông T, bà T1. Các con của ông T, bà T1 là ông Võ Thanh V, ông Võ Thanh T3, ông Võ Thanh T4, ông Võ Thanh P, bà Võ Thị Bích T5, bà Võ Thị Bích T2 không có công sức đóng góp vào tài sản chung của hộ ông T, diện tích đất 19.520 m² đã được UBND huyện Krông Năng cấp GCNQSDĐ số P 169727 mang tên hộ ông Võ T thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 54 là tài sản riêng của ông T, bà T1. Các con của ông T, bà T1 không có liên quan gì đến sự việc tranh chấp giữa ông T, bà T1 với ông K, bà L. Đồng thời, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng P trình bày:* Ông có thửa đất giáp ranh với ông K, bà L. Việc tranh chấp đất đai giữa gia đình ông K, bà L với ông T, bà T1 thế nào thì ông không biết, không liên quan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:* Năm 2016, ông bà nhận chuyển nhượng của ông T, bà T1 diện tích đất 10.244,6 m². Trước khi chuyển nhượng, giáp ranh giữa hai thửa đất của ông K, bà L với thửa đất ông T, bà T1 có con đường đi. Đến nay, tranh chấp thì mỗi bên nên bỏ ra một ít để đi chung vì các bên đã có văn bản thỏa thuận.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 688; Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 50;

Điều 135; Điều 136 Luật đất đai năm 2003, sửa đổi năm 2009; Căn cứ Điều 166; Điều 170; Điều 179; Điều 202; Điều 203 Luật đất đai 2013;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L.

Buộc ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1 trả cho ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L diện tích đất là 755,6 m². Đất tọa lạc tại thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất có tứ cận: Phía đông giáp đường đi, kích thước 2,1 m; Phía tây giáp đất ông V, bà S, kích thước 1,7 m; Phía nam giáp đất ông T, bà T1, kích thước 501,5 m; Phía bắc giáp đất ông K, bà L, kích thước 499,2 m. Di dời toàn bộ tài sản gắn liền trên diện tích đất nói trên là 52 cột bê tông dùng để làm trụ hàng rào, cao 1,5 m, giữa các trụ có hai sợi dây thép, kéo dài từ đường đi liên thôn lên phía tây dài 130,7 m, mốc phía trên là trụ rào bê tông và 01 bên là cây bời lời.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L về yêu cầu ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1 phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 564,6 m², tại thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/6/2021, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1 - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 17/9/2021, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Võ Thị Bích T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Nguồn gốc đất của hộ ông Võ T là nhận chuyển nhượng từ năm 1995 của một người dân tộc Thái không rõ nhân thân, lai lịch và chưa được cấp GCNQSDĐ. Ngày 25/12/2000, hộ ông T được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 54, tại thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk với diện tích 19.520 m². Năm 2017, hộ ông T chuyển nhượng diện tích 10.244,6 m² (phần tiếp giáp đất của ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L) cho ông Trần Ngọc L, bà Nguyễn Thị V; thửa đất của ông T, bà T1 còn lại sau khi chuyển nhượng là 9.275,4 m²; thửa đất của ông K, bà L nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trọng T6, bà Nguyễn Thị Mai T7 vào ngày 22/11/2015 với diện tích 12.305 m². Ngày 17/3/2016, ông K, bà L được cấp đổi GCNQSDĐ đối với thửa đất số 28a, tờ bản đồ số 54, tại thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trước đó, vào ngày 22/11/2015, giữa ông K

và ông T đã lập giấy xác nhận bờ lô thể hiện ông K và ông T đã xác nhận ranh giới giữa thửa đất, hai bên thỏa thuận không trồng cây gì ở phần giáp ranh giữa hai thửa đất trên để tạo lối đi chung. Tuy nhiên, theo ông K, bà L thì ông T đã rào cả phần đất mà ông bà trừ làm lối đi chung nên phát sinh tranh chấp. Ông K, bà L yêu cầu ông T, bà T1 tháo dỡ hàng rào và trả lại diện tích 1.320m² đất.

Theo quyết định giám đốc thẩm số 46/2019/DS-GĐT ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng yêu cầu cấp sơ thẩm thu thập hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 54 của hộ ông T và thửa đất số 28a, tờ bản đồ số 54 của ông K, bà L. Cấp sơ thẩm đã lập biên bản xác minh tại Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện K là cơ quan lưu trữ hồ sơ cấp GCNQSDĐ để yêu cầu cung cấp hồ sơ cấp GCNQSDĐ, tuy nhiên, hiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ đất lần đầu đối với hai thửa đất trên không còn lưu trữ.

Tại giấy xác nhận bờ lô ngày 22/11/2015 được lập giữa các bên có thỏa thuận các bên thống nhất bỏ ra một phần diện tích đất để làm lối đi chung, nhưng không thể hiện diện tích cụ thể. Tuy nhiên, hiện nay, ông T, bà T1 rào lại diện tích đất trông là vi phạm sự thỏa thuận của các bên đã xác lập trước đó.

Theo kết quả đo đạc thực tế thì ông K, bà L đang sử dụng có diện tích 10.935 m², thửa đất ông T, bà T1 sử dụng có diện tích 12.142 m², diện tích đất tranh chấp giữa các bên là 755,6 m². Thửa đất của ông T, bà T1 đang sử dụng có diện tích lớn hơn so với diện tích được ghi trong GCNQSDĐ là 2.679,6 m² (12.142 m² thực tế sử dụng - 9.275,4 m² theo giấy chứng nhận - 187 m² chưa được cấp giấy chứng nhận). Trong khi đó, thửa đất của ông K, bà L hiện đang sử dụng có diện tích nhỏ hơn so với diện tích được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.370 m² (12.305 m² theo giấy chứng nhận - 10.935 m² đang sử dụng). Do vậy, cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất 755,6 m² đất; Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 564,6 m², tại thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, bị đơn có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn đều không có yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá lại tài sản tranh chấp, cơ quan có thẩm quyền cũng không xác định được tọa độ, mốc giới ban đầu của hai thửa đất tranh chấp. Các đương sự đều thừa nhận các mốc giới theo Trích đo địa chính thửa đất ngày 03/5/2018 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc tư vấn nông lâm nghiệp Đ là do các đương sự chỉ dẫn, sau khi nhận được kết quả đo đạc của Công ty không có đương sự nào yêu cầu đo đạc lại. Tại bút lục số 527, Tòa án cấp sơ thẩm đã hỏi người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà T2 có yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lại diện tích đất tranh chấp hay không? Bà T2 đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm cho thời hạn 15 ngày kể từ ngày 25/5/2020 để bà T2 bàn bạc với bị đơn. Nếu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản mà bị đơn không có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lại diện tích đất tranh chấp thì đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả đo đạc có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định. Sau khi Tòa án lập biên bản ngày 25/5/2020, các đương sự đều không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lại. Do vậy, cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả đo đạc theo Trích đo địa chính thửa đất ngày 03/5/2018 để giải quyết vụ án là phù hợp.

Từ những nhận định trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, bị đơn có đơn xin miễn án phí. HĐXX xét thấy, bị đơn ông Võ Th, sinh năm 1952; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956, đều là người cao tuổi. Nên căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L.

Buộc ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1 trả cho ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L diện tích đất là 755,6 m². Đất tọa lạc tại thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đất có tứ cận: Phía đông giáp đường đi, kích thước 2,1 m; Phía tây giáp đất ông V, bà S, kích thước 1,7 m; Phía nam giáp đất ông T, bà T1, kích thước 501,5 m; Phía bắc giáp đất ông K, bà L, kích thước 499,2 m. Di dời toàn bộ tài sản gắn liền trên diện tích đất nói trên là 52 cột bê tông dùng để làm trụ hàng rào, cao 1,5 m, giữa các trụ có hai sợi dây thép, kéo dài từ đường đi liên thôn lên phía tây dài 130,7 m, mốc phía trên là trụ rào bê tông và 01 bên là cây bời lời.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L về yêu cầu ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1 phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 564,6 m², tại thôn E, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và chi phí định giá tài sản: Ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 27.923.000 đồng. Ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L được nhận lại số tiền 27.923.000 đồng sau khi thu được của ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1.

Ông Võ T, bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Tòa án đã tiến hành vào ngày 04/10/2018 (Ông T, bà T1 đã nộp xong).

3. Về án phí:

- Ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 1.250.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí. Ông Dương Minh K, bà Vũ Thị L được nhận lại số tiền 950.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002700 ngày 02 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm. Ông Võ T, bà Nguyễn Thị T1 được nhận lại số tiền 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002738; AA/2017/0002739 ngày 18/7/2018; 60AA/2021/0002919 ngày 02/7/2021 (do bà Võ Thị Bích Thủy nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Bằng